

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
TRẦN HỮU TRANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH
Lớp 12A1, GVCN: Cô VÕ THỊ THANH NGUYỆT

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp năm học trước	Ghi chú
1	ABSARINA	16/10/2004	Nữ	Chăm	11A5	
2	ĐÀO DUY ANH	22/05/2004	Nam	Kinh	11A6	
3	HOÀNG PHÚC ẮN	5/3/2003	Nam	Kinh	11A4	
4	HUỲNH THỊ TUYẾT BĂNG	12/01/2004	Nữ	Hoa	11A3	
5	LƯƠNG MỸ BÙU	03/07/2004	Nữ	Hoa	11A6	
6	ẬU DƯƠNG BẢO CHÂU	19/03/2004	Nữ	Hoa	11A7	
7	LÝ MỸ DUYÊN	08/11/2004	Nữ	Hoa	11A7	
8	NGUYỄN HỒNG BÌNH DƯƠNG	28/05/2004	Nữ	Kinh	11A5	
9	HOÀNG THỊ KIM HẰNG	30/09/2004	Nữ	Kinh	11A6	
10	TRƯƠNG NGỌC HÂN	02/08/2004	Nữ	Kinh	11A7	
11	LÝ TUYẾT HOA	08/08/2004	Nữ	Hoa	11A3	
12	BÙI NGUYỄN MINH HOÀNG	16/03/2004	Nam	Kinh	11A5	
13	TRẦN QUỐC HÒA	27/11/2004	Nam	Hoa	11A7	
14	NGUYỄN THỦY HỒNG	16/02/2004	Nữ	Hoa	11A5	
15	TRƯƠNG CẢNH HUY	29/12/2004	Nam	Hoa	11A6	
16	ẬU DƯƠNG MINH HUY	05/10/2004	Nam	Hoa	11A1	
17	PHẠM AN KHANG	22/11/2004	Nam	Kinh	11A2	
18	THANG NGỌC LINH	15/01/2004	Nữ	Hoa	11A2	
19	NHỮ HOÀNG LONG	16/10/2004	Nam	Kinh	11A1	
20	LƯ' CHỈ MINH	08/07/2004	Nam	Hoa	11A4	
21	HUỲNH ÁI MY	27/10/2003	Nữ	Kinh	11A5	
22	CAO LÊ NAM	05/02/2004	Nam	Kinh	11A1	
23	VÕ PHƯƠNG NGHI	14/01/2004	Nữ	Kinh	11A1	
24	TRẦN THỦY NGHI	22/10/2004	Nữ	Hoa	11A7	
25	TẶNG BẢO NHI	09/02/2004	Nữ	Hoa	11A4	
26	CHÂU GIA NHI	27/02/2004	Nữ	Hoa	11A6	
27	PHAN HOÀNG NHUNG	16/07/2004	Nữ	Kinh	11A7	
28	TRẦN HỒNG PHÚC	24/02/2004	Nữ	Kinh	11A3	
29	NGUYỄN ANH QUỐC	19/04/2002	Nam	Kinh	11A4	
30	TRẦN KIM SANG	06/10/2004	Nam	Kinh	11A1	
31	PHAN NGỌC TẤN	17/02/2004	Nam	Kinh	11A6	
32	CHU HỮU THẮNG	06/12/2004	Nam	Hoa	11A2	
33	LÂM THỊ HUYỀN THO	15/03/2004	Nữ	Hoa	11A7	
34	DƯƠNG LAM THỦY	23/07/2004	Nữ	Kinh	11A6	
35	TRẦN DIỆU TIÊN	10/01/2004	Nữ	Kinh	11A5	
36	NGUYỄN NGỌC THANH TRANG	01/01/2004	Nữ	Kinh	11A7	
37	PHẠM HUỲNH BẢO TRẦN	11/3/2004	Nữ	Kinh	11A2	
38	NGUYỄN TIÊN VẤN	26/07/2004	Nam	Hoa	11A7	
39	LƯU QUỐC VIỆT	29/04/2004	Nam	Hoa	11A3	
40	TRẦN QUANG VINH	31/03/2004	Nam	Kinh	11A6	
41	ĐỖ TRẦN THẢO VY	22/10/2004	Nữ	Kinh	11A6	

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 8 năm 2021

Hiệu trưởng

Võ Thiện Cang

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
TRẦN HỮU TRANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH
Lớp 12A2, GVCN: Thầy NGUYỄN THÀNH ĐẠT

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp năm học trước	Ghi chú
1	TRẦN PHÚC LAN ANH	13/01/2004	Nữ	Kinh	11A4	
2	CHÂU NGUYỄN MINH ANH	23/11/2003	Nữ	Kinh	11A4	
3	PHẠM PHÚ BÌNH	01/10/2004	Nam	Hoa	11A4	
4	HUỖNH GIA BỘI	31/08/2004	Nữ	Hoa	11A7	
5	LƯƠNG NHẬT CHẤN	05/09/2004	Nam	Hoa	11A3	
6	LÝ GIA DINH	01/03/2004	Nữ	Hoa	11A2	
7	HOÀNG MỸ DUNG	19/11/2004	Nữ	Kinh	11A1	
8	NGUYỄN CHÂU KHÁNH DUY	9/7/2004	Nam	Kinh	11A4	
9	ĐƯƠNG TRỌNG ĐẠI	02/04/2003	Nam	Kinh	11A3	
10	TRIỆU KẾ ĐƯỜNG	02/08/2004	Nam	Hoa	11A1	
11	NGUYỄN PHÚC HẬU	22/04/2004	Nữ	Kinh	11A5	
12	PHAN TRẦN MINH HOÀNG	15/10/2004	Nam	Kinh	11A6	
13	NGUYỄN QUỐC HÙNG	20/08/2004	Nam	Kinh	11A4	
14	TRẦN GIA HÝ	28/08/2003	Nữ	Hoa	11A4	
15	HUỖNH PHẠM ĐỨC LỘC	22/01/2004	Nam	Kinh	11A7	
16	TẠ NGUYỄN TẤN LỰC	25/05/2004	Nam	Kinh	11A3	
17	HUỖNH QUẾ NHI	23/12/2004	Nữ	Hoa	11A7	
18	TRẦN ĐỨC PHÁT	06/11/2004	Nam	Kinh	11A3	
19	TRẦN TUẤN PHÁT	28/03/2004	Nam	Kinh	11A2	
20	HUỖNH TRƯỜNG PHONG	23/08/2004	Nam	Hoa	11A1	
21	HUỖNH GIA PHỤNG	15/06/2004	Nữ	Hoa	11A3	
22	CHÂU TÙNG PHƯỚC	12/3/2004	Nam	Hoa	11A2	
23	TẶNG BÍCH PHƯỢNG	17/12/2004	Nữ	Hoa	11A7	
24	TỪ CHÍ QUANG	03/05/2004	Nam	Hoa	11A4	
25	VƯƠNG QUÁN QUÂN	13/12/2004	Nam	Hoa	11A4	
26	TRƯƠNG HỒNG THANH THẢO	08/02/2004	Nữ	Kinh	11A7	
27	LÊ NGUYỄN QUỐC THẮNG	21/07/2004	Nam	Kinh	11A5	
28	LƯƠNG VĨNH THUẬN	13/01/2004	Nam	Hoa	11A2	
29	ĐẶNG ANH THƯ	06/02/2004	Nữ	Hoa	11A5	
30	NGUYỄN HỒ THỦY TIỀN	21/12/2004	Nữ	Kinh	11A7	
31	PHAN NGUYỄN THỦY TIỀN	03/06/2004	Nữ	Kinh	11A5	
32	NGUYỄN THỊ NGỌC TRÂM	22/10/2004	Nữ	Kinh	11A1	
33	TRƯƠNG BẢO TRẦN	22/02/2004	Nữ	Kinh	11A3	
34	LÊ TRÍ TRUYỀN	25/10/2004	Nam	Hoa	11A5	
35	NGUYỄN CẨM TÚ	08/09/2004	Nữ	Kinh	11A6	
36	VÕ NGỌC THANH VY	03/04/2004	Nữ	Kinh	11A5	
37	PHAN NGỌC YẾN VY	07/09/2004	Nữ	Kinh	11A2	
38	TRẦN MAI XUÂN	07/02/2004	Nữ	Kinh	11A4	
39	LÊ NGỌC XUÂN	06/03/2004	Nữ	Khơ-me	11A6	
40	LÂM GIA YẾN	07/09/2004	Nữ	Hoa	11A2	

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 8 năm 2021

Hiệu trưởng

Võ Thiện Cang

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
TRẦN HỮU TRANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH
Lớp 12A3, GVCN: Thầy TRẦN NGỌC THUẬN

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp năm học trước	Ghi chú
1	ĐỖ THUY ANH	08/12/2004	Nữ	Kinh	11A3	
2	NGUYỄN GIA BẢO	15/04/2004	Nam	Kinh	11A6	
3	PHÓ THANH BÌNH	06/12/2004	Nam	Hoa	11A5	
4	LƯƠNG BẢO CHÂU	03/02/2004	Nữ	Hoa	11A6	
5	PHẠM NGỌC ÁNH DƯƠNG	24/10/2004	Nữ	Kinh	11A6	
6	ĐẶNG THÀNH ĐÔNG	07/03/2004	Nam	Kinh	11A3	
7	NGUYỄN MẠNH HOÀNG	21/07/2004	Nam	Kinh	11A2	
8	TRẦN DIỄN HOÀNH	25/02/2004	Nam	Hoa	11A7	
9	HUỲNH TRƯỞNG BẢO HUY	13/10/2004	Nam	Kinh	11A5	
10	MAI ĐOÀN GIA HUY	19/03/2004	Nam	Kinh	11A2	
11	TỬ KIẾN KHANG	19/08/2004	Nam	Hoa	11A7	
12	CHUNG ANH KIẾT	11/08/2004	Nam	Kinh	11A5	
13	TĂNG VĂN KIẾT	07/09/2003	Nam	Hoa	11A5	
14	TRỊNH MỸ LINH	21/12/2004	Nữ	Hoa	11A5	
15	LÝ GIA MINH	26/09/2004	Nam	Hoa	11A1	
16	LÊ HOÀNG KHÁNH NGÂN	26/05/2004	Nữ	Kinh	11A1	
17	LA HUỆ NGHI	20/04/2004	Nữ	Hoa	11A7	
18	ĐINH HUỆ NHI	02/11/2004	Nữ	Hoa	11A6	
19	NGUYỄN NGỌC YẾN NHI	24/09/2004	Nữ	Kinh	11A1	
20	NHÂM CẨM PHÁT	24/12/2004	Nam	Hoa	11A7	
21	THANG CHÍ PHONG	18/07/2004	Nam	Hoa	11A3	
22	PHAN BÌNH PHƯƠNG	29/07/2004	Nam	Kinh	11A3	
23	TRƯƠNG HUỆ PHƯƠNG	14/04/2004	Nữ	Hoa	11A3	
24	ÂU DƯƠNG THỰC PHƯƠNG	17/08/2004	Nữ	Hoa	11A5	
25	TĂNG MỸ PHƯƠNG	07/03/2004	Nữ	Kinh	11A5	
26	BÙI LÂM QUANG	10/03/2004	Nam	Kinh	11A2	
27	THÁI NHẬT QUANG	22/01/2004	Nam	Kinh	11A2	
28	NGUYỄN HUỲNH PHƯƠNG QUYÊN	07/11/2004	Nữ	Kinh	11A6	
29	PHAN ANH TÀI	28/08/2004	Nam	Kinh	11A4	
30	PHẠM THỊ THANH THẢO	11/02/2004	Nữ	Kinh	11A3	
31	DƯƠNG THỊ NGỌC THẨM	24/01/2004	Nữ	Kinh	11A3	
32	VĂN PHÚ THỊNH	17/07/2004	Nam	Kinh	11A4	
33	ĐỖ HOÀNG THÔNG	23/06/2004	Nam	Kinh	11A5	
34	ĐOÀN LÊ MINH THÔNG	26/07/2004	Nam	Kinh	11A5	
35	TỬ NGUYỄN TRUNG TÍN	28/08/2004	Nam	Hoa	11A2	
36	TRẦN BÍCH TRANG	06/03/2004	Nữ	Hoa	11A1	
37	NGUYỄN HỒ THỦY TRANG	3/11/2004	Nữ	Kinh	11A1	
38	PHẠM ĐOÀN TRÂM	17/10/2004	Nữ	Kinh	11A6	
39	LÊ NGUYỄN HÁI TRIỀU	07/07/2004	Nam	Kinh	11A1	
40	VƯƠNG NGỌC TRINH	11/03/2004	Nữ	Hoa	11A4	
41	LƯU ANH TUẤN	01/12/2004	Nam	Hoa	11A5	
42	LÊ PHÚC TUẤN	13/01/2004	Nam	Kinh	11A6	
43	ĐỖ QUANG VINH	12/12/2004	Nam	Kinh	11A1	
44	NGÔ TẤN VINH	16/06/2004	Nam	Kinh	11A2	
45	TRỊNH TRỌNG VĨNH	08/02/2004	Nam	Hoa	11A6	
46	NGUYỄN HOÀNG HUY VŨ	14/10/2004	Nam	Kinh	11A2	
47	BÙI THỊ NGỌC YẾN	18/08/2004	Nữ	Kinh	11A4	

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 8 năm 2021

Hiệu trưởng

Võ Thiện Cang

DANH SÁCH HỌC SINH
Lớp 12A4, GVCN: Thầy TRẦN HÙNG DŨNG

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp năm học trước	Ghi chú
1	PHẠM GIA BẢO	29/04/2004	Nam	Kinh	11A1	
2	PHAN QUỐC BẢO	26/07/2004	Nam	Kinh	11A3	
3	NGUYỄN TUYẾT BĂNG BĂNG	07/05/2004	Nữ	Kinh	11A2	
4	MAI HỮU CHÍ	10/10/2004	Nam	Kinh	11A2	
5	VÕ THÀNH ĐẠT	30/09/2004	Nam	Kinh	11A7	
6	HỒI ĐÀM VĨNH ĐẠT	05/11/2004	Nam	Hoa	11A1	
7	NGUYỄN NHẢ ĐOAN	28/02/2004	Nữ	Kinh	11A3	
8	LƯƠNG TUẤN GIAI	01/04/2004	Nam	Hoa	11A1	
9	QUAN KIẾN HẢO	26/05/2004	Nam	Hoa	11A4	
10	TRẦN DŨ HUY	12/10/2004	Nam	Hoa	11A3	
11	NGUYỄN ĐỨC HUY	07/11/2004	Nam	Kinh	11A6	
12	NGÔ BẢO KHANH	28/11/2004	Nữ	Kinh	11A2	
13	TĂNG THIỆU KHÁNH	17/04/2004	Nam	Hoa	11A4	
14	PHẠM TRẦN MINH KHOA	11/08/2004	Nam	Kinh	11A2	
15	LÊ NGUYỄN MINH KHÔI	06/03/2004	Nam	Kinh	11A4	
16	TIÊU VĨNH KIÊN	02/03/2004	Nam	Hoa	11A3	
17	NGUYỄN NGỌC THÚY LINH	25/12/2004	Nữ	Kinh	11A1	
18	HUYỄN NGỌC LONG	27/11/2004	Nam	Hoa	11A6	
19	LÂM TỬ MỸ	29/11/2004	Nữ	Hoa	11A5	
20	MAI NGỌC KIM NGÂN	15/03/2004	Nữ	Kinh	11A6	
21	TRẦN MINH NGHĨA	18/07/2004	Nam	Hoa	11A5	
22	LÊ TRỌNG NHÂN	13/01/2004	Nam	Kinh	11A1	
23	LÊ HOÀNG BẢO NHI	18/12/2004	Nữ	Kinh	11A4	
24	BÙI THỊ HỒNG NHUNG	28/10/2004	Nữ	Kinh	11A3	
25	TÔN QUẾ NHƯ	17/01/2004	Nữ	Hoa	11A5	
26	TRẦN BẢO OANH	25/11/2004	Nữ	Hoa	11A3	
27	TRẦN THANH PHONG	19/03/2004	Nam	Kinh	11A2	
28	NGUYỄN THÚY PHƯƠNG	15/04/2004	Nữ	Kinh	11A2	
29	LÂM MỸ QUÂN	05/08/2004	Nữ	Hoa	11A3	
30	LÝ QUỐC QUYẾN	09/10/2004	Nam	Hoa	11A1	
31	ÂU TRẦN NGỌC TÂM	9/4/2004	Nữ	Kinh	11A1	
32	QUAN NHẬT THANH	27/04/2004	Nam	Kinh	11A1	
33	PHẠM TRÍ THÀNH	03/02/2004	Nam	Kinh	11A7	
34	ĐỖ MẠNH TRƯỜNG THIÊN	10/11/2004	Nam	Kinh	11A5	
35	NGUYỄN QUANG HỒNG THỊNH	09/06/2004	Nam	Kinh	11A2	
36	NGUYỄN VĂN THUẬN	06/05/2004	Nam	Kinh	11A2	
37	HỒNG LÂM TOÀN	01/10/2004	Nam	Kinh	11A3	
38	GIANG THỊ THANH TRANG	15/04/2004	Nữ	Kinh	11A2	
39	MẠC PHI TRÂM	14/01/2004	Nữ	Kinh	11A4	
40	VŨ MẠNH TRÍ	25/05/2004	Nam	Kinh	11A1	
41	TRẦN THANH TRÚC	06/09/2004	Nữ	Kinh	11A2	
42	ĐỖ LÊ HOÀNG TUẤN	05/10/2004	Nam	Kinh	11A5	
43	ĐẶNG HẢI VÂN	21/09/2004	Nữ	Hoa	11A3	
44	QUÁCH HOA VINH	10/05/2004	Nam	Hoa	11A5	
45	NGUYỄN KIỀU NHẬT VY	21/04/2004	Nữ	Kinh	11A4	
46	LÊ TUẤN VỸ	13/12/2004	Nam	Hoa	11A6	
47	LÊ NGUYỄN THANH XUÂN	22/07/2004	Nữ	Kinh	11A1	
48	PHẠM THANH XUÂN	15/01/2004	Nữ	Kinh	11A3	

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 8 năm 2021

Hiệu trưởng

Võ Thiện Cang

DANH SÁCH HỌC SINH
Lớp 12A5, GVCN: Cô ĐẶNG HOÀNG THỦY TIÊN

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp năm học trước	Ghi chú
1	DƯƠNG QUỲ CHÂU	02/03/2004	Nữ	Khơ-me	11A5	
2	TRINH THỊ KIM CHI	23/11/2004	Nữ	Kinh	11A2	
3	LÝ BẢO DINH	03/01/2004	Nữ	Hoa	11A3	
4	HÀ NHUẬN ĐẠT	21/05/2004	Nam	Hoa	11A5	
5	VŨ TUẤN ĐẠT	1/12/2004	Nam	Kinh	11A4	
6	TRẦN KHÁNH HÀ	09/08/2004	Nữ	Kinh	11A6	
7	PHÙNG TUẤN HẢO	02/12/2004	Nam	Hoa	11A1	
8	NGÔ NGUYỄN MINH HIỀN	07/08/2004	Nữ	Kinh	11A3	
9	HUỖNH THANH HOÀNG	21/09/2004	Nam	Kinh	11A6	
10	LÝ HOÀNG	20/04/2004	Nam	Hoa	11A7	
11	LÝ CẨM HUY	23/07/2004	Nam	Hoa	11A3	
12	PHAN THẮNG HÙNG	07/02/2004	Nam	Hoa	11A2	
13	NGÔ GIA HÙNG	10/09/2004	Nam	Hoa	11A4	
14	LAI NGUYỄN HỮU	16/06/2004	Nam	Hoa	11A5	
15	TRẦN VỸ KHANG	28/01/2004	Nam	Hoa	11A3	
16	ÔNG GIA LẠC	03/03/2004	Nam	Hoa	11A7	
17	VƯƠNG NAM LONG	13/08/2004	Nam	Hoa	11A5	
18	NGUYỄN PHƯỚC LỘC	12/08/2004	Nam	Kinh	11A3	
19	VÕ XUÂN MAI	15/12/2004	Nữ	Kinh	11A4	
20	VĂN HIẾU MY	11/04/2004	Nữ	Hoa	11A4	
21	NGÔ HẢI NAM	19/10/2004	Nam	Kinh	11A1	
22	NGUYỄN THÀNH NAM	10/12/2004	Nam	Kinh	11A6	
23	TRẦN NGUYỄN KIM NGÂN	06/04/2004	Nữ	Kinh	11A4	
24	TRƯƠNG KIM NGÂN	08/10/2004	Nữ	Kinh	11A5	
25	NGUYỄN DƯƠNG HOÀNG NHI	26/05/2004	Nữ	Kinh	11A4	
26	TRƯƠNG KHAI NHI	18/05/2004	Nữ	Hoa	11A5	
27	NGUYỄN NGỌC QUỲNH NHƯ	22/09/2004	Nữ	Kinh	11A4	
28	VŨ NGUYỄN THÁI PHƯƠNG	23/10/2004	Nữ	Kinh	11A3	
29	PHÙ VĨNH QUYÊN	22/12/2004	Nam	Hoa	11A1	
30	NGHÊ PHỐI SAN	10/11/2004	Nữ	Hoa	11A2	
31	PHÙNG TUẤN SANH	17/08/2004	Nam	Hoa	11A6	
32	VÕ DƯƠNG TÀI	06/10/2003	Nam	Kinh	11A2	
33	PHÙNG TÂN TÀI	17/03/2004	Nam	Kinh	11A1	
34	DƯƠNG CHỈ THÀNH	03/10/2004	Nam	Kinh	11A3	
35	TRƯƠNG VĂN CƯỜNG THỊNH	29/01/2004	Nam	Kinh	11A5	
36	LƯU TRÍ THỊNH	23/05/2003	Nam	Kinh	11A2	
37	NGÔ TRƯỜNG THỌ	23/02/2004	Nam	Kinh	11A5	
38	TRINH KIM THUẬN	22/11/2004	Nam	Hoa	11A6	
39	VÂN VĨNH THUẬN	31/12/2004	Nam	Hoa	11A4	
40	ĐẶNG NGUYỄN MINH THƯ	16/03/2004	Nữ	Kinh	11A6	
41	NGUYỄN TRÍ THỨC	05/07/2004	Nam	Kinh	11A1	
42	NHÂM TRÍ TÍN	09/02/2004	Nam	Hoa	11A6	
43	GIANG TIẾN TOÀN	19/01/2004	Nam	Hoa	11A7	
44	TRINH XUÂN TOÀN	30/07/2004	Nam	Kinh	11A7	
45	TĂNG NGỌC UYÊN	11/01/2004	Nữ	Hoa	11A3	
46	NGUYỄN HỮU VINH	06/12/2004	Nam	Kinh	11A5	
47	PHÙNG NGUYỄN TƯỜNG VY	05/09/2004	Nữ	Kinh	11A7	

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 8 năm 2021

Hiệu trưởng

Võ Thiện Cang

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
TRẦN HỮU TRANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH
Lớp 12A6, GVCN: Cô NGUYỄN THỊ THANH THANH

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp năm học trước	Ghi chú
1	HÀ GIA BẢO	18/10/2003	Nam	Hoa	11A3	
2	TRẦN GIA BẢO	01/01/2004	Nam	Kinh	11A7	
3	TRƯƠNG BỘI BỘI	12/11/2004	Nữ	Hoa	11A4	
4	TRẦN QUÊ CHI	01/07/2004	Nữ	Hoa	11A3	
5	VÒNG NGỌC MỸ DUYÊN	22/09/2004	Nữ	Hoa	11A3	
6	TRẦN QUỐC ĐÔNG	19/06/2004	Nam	Hoa	11A6	
7	LÂM GIA HẢO	20/02/2004	Nữ	Hoa	11A3	
8	NGUYỄN CÔNG HẬU	22/11/2004	Nam	Kinh	11A5	
9	LÂM TUẤN HIẾN	13/12/2004	Nam	Hoa	11A1	
10	TRẦN TRỌNG HIẾU	10/06/2004	Nam	Kinh	11A4	
11	LÂM GIA HUY	10/12/2004	Nam	Kinh	11A5	
12	NGUYỄN VĂN QUỐC HUY	24/03/2004	Nam	Kinh	11A2	
13	LÝ TÍN HUY	11/03/2004	Nam	Hoa	11A7	
14	NGUYỄN TRƯỜNG HUY	03/06/2004	Nam	Kinh	11A2	
15	TRẦN NGUYỄN GIÁP KHANG	14/10/2004	Nam	Kinh	11A7	
16	PHẠM QUỐC KHÁNH	02/09/2004	Nam	Kinh	11A6	
17	CHUNG DƯƠNG ANH KHOA	18/12/2004	Nam	Kinh	11A3	
18	LÀ THIÊN ĐĂNG KHOA	15/02/2004	Nam	Kinh	11A4	
19	HỒ HOÀNG LỘC	27/08/2004	Nam	Kinh	11A7	
20	PHẠM HUỆ MÃN	19/09/2004	Nữ	Kinh	11A7	
21	HUỲNH ĐỨC NHẬT MINH	29/03/2004	Nam	Kinh	11A2	
22	ĐỖ PHƯƠNG NAM	23/08/2004	Nam	Kinh	11A7	
23	NGUYỄN HUỲNH KIM NGÂN	24/01/2004	Nữ	Kinh	11A3	
24	PHẠM NGỌC THANH NGÂN	07/01/2004	Nữ	Kinh	11A1	
25	TRẦN HOÀNG BẢO NGỌC	14/01/2004	Nữ	Kinh	11A4	
26	TRƯƠNG NGUYỄN HỒNG NGỌC	02/02/2004	Nữ	Kinh	11A4	
27	TÂY NGỌC YẾN NHI	08/12/2004	Nữ	Hoa	11A2	
28	TRẦN NGỌC YẾN NHI	19/07/2004	Nữ	Kinh	11A1	
29	ĐẶNG VINH PHÁT	11/01/2004	Nam	Hoa	11A3	
30	TỪ MỸ PHẦN	04/02/2004	Nữ	Hoa	11A4	
31	LƯU GIA PHI	23/09/2004	Nam	Kinh	11A4	
32	VĨNH TÔN NỮ TRÚC QUỲNH	20/06/2004	Nữ	Kinh	11A4	
33	THI HUỆ TÂM	27/11/2004	Nữ	Hoa	11A2	
34	TRIỆU NGỌC THANH	09/10/2004	Nữ	Hoa	11A5	
35	NGUYỄN THỊ THANH THẢO	14/04/2004	Nữ	Kinh	11A6	
36	NGUYỄN HOÀNG THIÊN	01/11/2004	Nam	Kinh	11A1	
37	BÙI TUẤN THỊNH	20/11/2004	Nam	Kinh	11A1	
38	VÔ TÁ LÊ THÔNG	05/10/2003	Nam	Kinh	11A2	
39	TRỊNH HỒ NAM THUẬN	08/09/2004	Nam	Kinh	11A2	
40	TRẦN QUỐC TIẾN	16/06/2004	Nam	Kinh	11A2	
41	NGUYỄN TRỌNG TÍN	07/02/2004	Nam	Kinh	11A6	
42	PHẠM HOÀNG XUÂN TRÚC	18/08/2004	Nữ	Kinh	11A7	
43	NGUYỄN NGỌC ANH TUẤN	03/06/2004	Nam	Kinh	11A6	
44	LÊ HUỲNH ANH TỬ	12/12/2004	Nam	Kinh	11A7	
45	HUỲNH PHƯƠNG UYÊN	02/08/2004	Nữ	Kinh	11A5	
46	TRIỆU MỸ VÂN	23/07/2004	Nữ	Hoa	11A4	
47	TRẦN THỊ THANH VY	03/03/2004	Nữ	Kinh	11A4	

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 8 năm 2021

Hiệu trưởng

Võ Thiện Cang